

Số: 13/2026/NQ-HĐND

Cần Thơ, ngày 30 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông
trên địa bàn thành phố Cần Thơ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến nông;

*Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định
quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt
động khuyến nông;*

*Xét Tờ trình số 474/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân
dân thành phố dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt
động khuyến nông trên địa bàn thành phố Cần Thơ; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh
tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng
nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức hỗ trợ
cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn thành phố Cần Thơ.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến
nông trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định tại Điều 10 Thông tư số
75/2019/TT-BTC quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách
nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông và chuyển giao
công nghệ trong nông nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

b) Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động khuyến nông trên địa bàn thành
phố Cần Thơ.

Điều 2. Nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông

1. Nội dung chi, mức hỗ trợ bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo.
(Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm).
2. Nội dung chi, mức hỗ trợ thông tin tuyên truyền khuyến nông.
(Chi tiết theo Phụ lục II đính kèm).
3. Nội dung chi, mức hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình trình diễn về khuyến nông.
(Chi tiết theo Phụ lục III đính kèm).
4. Nội dung chi, mức hỗ trợ tư vấn, dịch vụ, hợp tác quốc tế và nội dung chi khác về khuyến nông.
(Chi tiết theo Phụ lục IV đính kèm).

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện hoạt động khuyến nông

1. Nguồn ngân sách nhà nước: Kinh phí chi thường xuyên theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.
2. Nguồn kinh phí lồng ghép với các chương trình, dự án khác để thực hiện mục tiêu khuyến nông.
3. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động khuyến nông.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.
2. Hội đồng nhân dân giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2026.
2. Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông hết hiệu lực từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.
3. Đối với các chương trình, dự án khuyến nông địa phương được phê duyệt trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thì thực hiện theo dự toán đã được phê duyệt cho đến khi kết thúc chương trình, dự án.
4. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

5. Các nội dung chi, mức hỗ trợ khác không quy định cụ thể tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP, Thông tư số 75/2019/TT-BTC và các quy định khác có liên quan.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa XI, Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 30 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB và TCTHPL);
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- UBNDTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố (Công báo thành phố);
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm lưu trữ lịch sử thành phố;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Cần Thơ;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Đổng Văn Thanh



Phụ lục I

NỘI DUNG CHI, MỨC HỖ TRỢ BỒI DƯỠNG, TẬP HUẤN VÀ ĐÀO TẠO
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026
của Hội đồng nhân dân thành phố)

STT	NỘI DUNG CHI	MỨC HỖ TRỢ
1	Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên, trợ giảng; phụ cấp tiền ăn cho giảng viên, báo cáo viên, trợ giảng; chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, báo cáo viên, trợ giảng; chi thù lao hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật.	
a	Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên, trợ giảng (Một buổi giảng được tính 04 tiết học, bao gồm cả tiền công soạn giáo án/bài giảng).	Áp dụng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND quy định mức chi công tác đào tạo, bồi dưỡng trong nước đối với công chức, viên chức của thành phố Cần Thơ.
b	Chi thù lao cho hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật.	Áp dụng bằng 50% mức chi tiền công quy định tại tiết (-) thứ năm điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND.
c	Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên, báo cáo viên, trợ giảng.	Áp dụng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND.
d	Chi thuê xe đưa, đón; xăng xe cho giảng viên, báo cáo viên, trợ giảng.	Áp dụng theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 40/2017/TT-BTC quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC.
đ	Chi tiền chỗ ở cho giảng viên, báo cáo viên, trợ giảng.	Chi tiền thuê phòng nghỉ: Áp dụng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ.
2	Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); giải khát giữa giờ; tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học (địa điểm tổ chức tập huấn/hội thảo/hội nghị/tham quan tùy theo điều kiện thực tế nếu nơi tổ chức	- Mức chi giải khát giữa giờ: Áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND. - Các nội dung chi khác áp dụng theo quy định hiện hành và hợp đồng với nhà cung cấp được lựa chọn, mức chi

	không có hội trường), thiết bị phục vụ học tập (nếu có); vật tư thực hành lớp học; chi thuê phiên dịch và biên dịch (nếu có); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ; chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác).	tùy điều kiện thực tế, tính chất của lớp tập huấn/hội thảo/hội nghị/tham quan.
3	Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo) trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông cho học viên là đối tượng nhận chuyển giao công nghệ và đối tượng chuyển giao công nghệ.	
a	Đối với học viên là đối tượng chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP về khuyến nông.	
-	Đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước.	
+	Tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo).	Hỗ trợ 100% chi phí.
+	Hỗ trợ chi phí chỗ ở.	Đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ gồm chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có). Trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND.
-	Đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước.	
+	Tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo).	Hỗ trợ 100% chi phí.
+	Hỗ trợ tiền ăn.	Áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND.

+	Hỗ trợ tiền đi lại.	- Hỗ trợ 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên. - Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng bãi ngang, xã đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên.
+	Hỗ trợ chi phí chỗ ở.	Đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, gồm chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có). Trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND.
b	Đối với học viên là đối tượng nhận chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP về khuyến nông.	
-	Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo.	
+	Tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo).	Hỗ trợ 100% chi phí.
+	Hỗ trợ tiền ăn.	Áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND.
+	Hỗ trợ tiền đi lại.	- Hỗ trợ 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên. - Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng bãi ngang, xã đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên.

+	Hỗ trợ chi phí chỗ ở.	Đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, gồm chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có). Trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND.
-	Người nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.	- Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo). - Hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại tối đa không quá 50% mức quy định đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ là người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo. - Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có). Trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 50% chi phí theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND.
-	Doanh nghiệp nhỏ và vừa trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông.	Được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo) khi tham dự đào tạo.
4	Chi khảo sát, học tập trong nước và nước ngoài.	
a	Đối với khảo sát học tập trong nước.	Áp dụng mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND. Riêng mức chi hỗ trợ tiền ăn áp dụng theo quy định tại khoản 3 của Phụ lục này.
b	Đối với khảo sát học tập ngoài nước.	Áp dụng theo quy định tại Thông tư số 140/2025/TT-BTC quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.



Phụ lục II
NỘI DUNG CHI, MỨC HỖ TRỢ THÔNG TIN TUYÊN TRUYỀN
KHUYẾN NÔNG
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026
của Hội đồng nhân dân thành phố)

STT	NỘI DUNG CHI	MỨC HỖ TRỢ
1	Tuyên truyền qua hệ thống truyền thông đại chúng; xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông; bản tin, trang thông tin điện tử khuyến nông.	
a	Hoạt động thông tin tuyên truyền.	Hàng năm, căn cứ nhu cầu và khả năng kinh phí khuyến nông, cơ quan khuyến nông xây dựng nhiệm vụ thông tin tuyên truyền khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt.
b	Chi nhuận bút cho tác phẩm (tin, bài, ảnh, thơ, clip) đăng trên Bản tin khuyến nông, trang thông tin điện tử khuyến nông, tài liệu tuyên truyền khuyến nông và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.	- Mức hỗ trợ thực hiện Quy chế quản lý, vận hành và duy trì hoạt động Cổng Thông tin điện tử Khuyến nông thành phố Cần Thơ được áp dụng theo các quy định hiện hành, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và không vượt quá định mức chi quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKH&ĐT-BTTTT hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước. - Việc chi trả nhuận bút, thù lao đảm bảo đúng đối tượng, nội dung, khối lượng, chất lượng tác phẩm và phù hợp khả năng cân đối kinh phí được giao.
2	Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan học tập.	
a	Chi người chủ trì, thư ký, báo cáo viên, bồi dưỡng viết báo cáo, thành viên tham gia.	Áp dụng theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b	Chi thuê hội trường (hoặc địa điểm tổ chức nếu nơi tổ chức không có hội trường); thuê máy chiếu, trang thiết bị; phô tô tài liệu; giải khát giữa giờ; thuê xe đưa đón diễn giả; thuê phương tiện đi lại cho nông dân; thuê phương tiện tham quan học tập; phòng nền; băng rôn; văn phòng phẩm và các khoản chi khác phục vụ cho diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan học tập khi cần thiết theo thực tế.	- Mức chi giải khát giữa giờ: Áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND. - Mức chi theo thực tế thực hiện theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp theo các quy định liên quan hoặc hóa đơn tài chính.
c	Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không hưởng lương từ ngân sách nhà nước.	Áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND.
d	Chi tiền thuê phòng nghỉ cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp.	Áp dụng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND.
3	Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông, hội nghị giao ban khuyến nông.	
a	Hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, thuê phòng nghỉ cho đại biểu không hưởng lương từ ngân sách nhà nước.	Áp dụng mức hỗ trợ dành cho học viên theo mức hỗ trợ bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo được quy định tại khoản 3 Phụ lục I Nghị quyết này.
b	Chi thù lao cho báo cáo viên, người có báo cáo tham luận trình bày tại hội nghị.	Áp dụng mức hỗ trợ dành cho báo cáo viên theo mức hỗ trợ bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo được quy định tại khoản 1 Phụ lục I Nghị quyết này.
c	Chi thuê hội trường (hoặc địa điểm tổ chức nếu nơi tổ chức không có hội trường); thuê máy chiếu, trang thiết bị; phô tô tài liệu; giải khát giữa giờ; phòng nền; băng rôn; văn phòng phẩm và các khoản chi khác phục vụ cho hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông, hội nghị giao ban khuyến nông khi cần thiết theo thực tế.	- Mức chi giải khát giữa giờ: Áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND. - Mức chi theo thực tế thực hiện theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp theo các quy định liên quan hoặc hóa đơn tài chính.

4	Tham gia hội chợ, triển lãm hàng nông nghiệp các cấp.	Hỗ trợ tối đa 100% chi phí thuê gian hàng (trên cơ sở giá đấu thầu, trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt); chi thông tin tuyên truyền hội chợ, chi hoạt động của Ban tổ chức.
5	Tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông.	Áp dụng theo quy định tại Thông tư số 55/2013/TT-BTC quy định quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện Đề án xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở các khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020; Thông tư số 63/2026/TT-BTC quy định nội dung và mức chi hoạt động thi kỹ năng tay nghề.
6	Chi ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông.	Áp dụng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.



Phụ lục III

CHI, MỨC HỖ TRỢ XÂY DỰNG VÀ NHÂN RỘNG CÁC MÔ HÌNH TRÌNH DIỄN VỀ KHUYẾN NÔNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026
của Hội đồng nhân dân thành phố)

STT	NỘI DUNG CHI	MỨC HỖ TRỢ
1	Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn để chuyển giao những tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất phù hợp với điều kiện ứng dụng của thành phố.	
a	Chi hỗ trợ xây dựng mô hình.	
-	Mô hình trình diễn ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, địa bàn bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch hại, biến đổi khí hậu theo công bố của cấp có thẩm quyền.	Hỗ trợ 100% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu.
-	Mô hình trình diễn ở địa bàn đồng bằng.	Hỗ trợ 50% chi phí mua giống, thiết bị, vật tư thiết yếu.
-	Mô hình ứng dụng công nghệ cao.	Hỗ trợ 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình.
-	Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp.	Hỗ trợ 100% kinh phí nhưng không quá 100 triệu đồng/mô hình.
-	Chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh khi tham gia xây dựng mô hình theo quy định hiện hành (đối với tất cả các loại mô hình).	Hỗ trợ 100% chi phí.
b	Chi tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết mô hình.	Chi thù lao cho giảng viên, trợ giảng (nếu có), báo cáo viên; tài liệu; văn phòng phẩm; vật tư thực hành; thuê hội trường (địa điểm tổ chức), trang thiết bị phục vụ; băng rôn, phong nền (nếu có), xăng xe; thuê xe đưa đón giảng viên, báo cáo viên; hỗ trợ tiền ăn; giải khát giữa giờ: Áp dụng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 của Phụ lục I Nghị quyết này.
c	Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn.	Tính bằng mức lương cơ sở/22 ngày nhân (x) với số ngày thực tế thuê.

2	Tổ chức đào tạo, tập huấn, thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập để nhân rộng mô hình.	Áp dụng theo mức hỗ trợ về bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo tại Phụ lục I; tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan học tập tại khoản 2 Phụ lục II Nghị quyết này.
---	--	--

Phụ lục IV
NỘI DUNG CHI, MỨC HỖ TRỢ TƯ VẤN, DỊCH VỤ, HỢP TÁC QUỐC TẾ
NỘI DUNG CHI KHÁC VỀ KHUYẾN NÔNG
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố)

STT	NỘI DUNG CHI	MỨC HỖ TRỢ
1	Nội dung chi, mức hỗ trợ tư vấn và dịch vụ khuyến nông.	
a	Tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn, diễn đàn, tọa đàm.	Áp dụng theo quy định tại Phụ lục I của Nghị quyết này.
b	Đối với tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông, diễn đàn, tọa đàm.	Áp dụng theo quy định tại Phụ lục II của Nghị quyết này.
c	Đối với tư vấn trực tiếp, tư vấn và dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng.	Mức chi thực hiện theo thỏa thuận, hợp đồng căn cứ quy định pháp luật liên quan.
2	Nội dung chi, mức hỗ trợ hợp tác quốc tế về khuyến nông.	
a	Chi tổ chức hợp tác quốc tế về khuyến nông.	Áp dụng theo quy định hiện hành, theo các hiệp định, nghị định thư hoặc thỏa thuận, hợp đồng chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân trong nước với các tổ chức, cá nhân nước ngoài.
b	Chi đón tiếp các đoàn khách nước ngoài vào làm việc, tổ chức hội nghị, hội thảo.	Cơ quan, đơn vị phải có kế hoạch, chương trình làm việc với đoàn và dự toán chi tiết được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 12/2026/NQ-HĐND quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ.
3	Nội dung chi khác.	
a	Thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông, đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông.	Áp dụng theo quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu.

b	Mua bản quyền tác giả, công nghệ mới phù hợp để chuyển giao gắn với chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Mức chi theo hợp đồng hoặc thỏa thuận giữa các bên liên quan theo quy định của pháp luật.
c	Mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khuyến nông.	Thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
d	Cơ quan quản lý kinh phí khuyến nông được trích 3% kinh phí khuyến nông do cấp có thẩm quyền giao hàng năm để hỗ trợ thực hiện các nội dung như sau:	
-	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược phát triển khuyến nông, định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ khuyến nông; xây dựng, khảo sát đánh giá, kiểm tra giám sát, nghiệm thu, quyết toán, tổng kết, báo cáo và quản lý các chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông, gồm: Chi thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê phương tiện, vé máy bay và chi khác.	Mức chi áp dụng theo định mức, chế độ tài chính hiện hành.
-	Chi hội đồng tư vấn, thẩm định, xác định, đánh giá, nghiệm thu chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông.	Áp dụng theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.
đ	Tổ chức chủ trì và đơn vị triển khai thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông được trích 5% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để chi cho công tác tổ chức thực hiện, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán và chi khác (Xăng xe, công tác phí, văn phòng phẩm).	Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành.